

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2022

V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chuyên

2. Ông Nông Văn Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST - HNGD, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị Q, sinh năm 1983 (có mặt)

Bị đơn: Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1977 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Nhất H1, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Các đương sự cùng có địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Tôi kết hôn với anh Trịnh Văn K vào tháng 9/2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh T. Trước khi kết hôn chúng tôi được tìm hiểu nhau trong một thời gian và quyết định đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống với nhau ở xóm Đ,

xã C, huyện P, tỉnh T, cùng nhau làm ăn. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do anh K thường xuyên uống rượu say rồi về nhà đánh chửi tôi, khiến tôi luôn cảm thấy hoang mang, sợ hãi. Tháng 8/2021 anh K không cho tôi về nhà nên tôi đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến nay xác định đã hết tình cảm với anh K nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trịnh Thu H, sinh ngày 04/7/2004 và Trịnh Hoàng P, sinh ngày 06/02/2007. Các con đã lớn và có suy nghĩ riêng nên tôi tôn trọng sự lựa chọn của các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ, xây năm 2007 trên đất thổ cư của bố mẹ chồng và 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, diện tích 819m² địa chỉ ở xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh T, loại đất ruộng. Thửa ruộng có nguồn gốc là của bố mẹ chồng tôi cho, hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Ngoài ra còn có một số tài sản là xe máy, tủ lạnh, tivi và một số đồ dùng trong gia đình, 02 chiếc xe máy BKS 20E1 – 237.64 và 20H7 – 6743. Tôi yêu cầu Tòa án chia cho tôi ½ giá trị tài sản là nhà và thửa ruộng. Tôi muốn được tiếp tục sử dụng chiếc xe máy BKS 20E1 – 237.64.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, giải quyết.

Bị đơn - anh Trịnh Văn K trình bày: Tôi kết hôn với chị Q năm 2003 có tình hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã C, huyện P, tỉnh T, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn chị Q về gia đình tôi làm dâu không mang theo tài sản gì. Đến năm 2004, vợ chồng tôi ra ở riêng trên phần đất của bố mẹ tôi. Vợ chồng tôi đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu do chị Q đi làm ở công ty không có trách nhiệm với gia đình, không lo lắng cho con cái ăn học, không quan tâm đến gia đình chồng. Tôi xác định đã hết tình cảm vợ chồng nhưng vì con cái nên tôi muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con là Trịnh Thu H, sinh ngày 04/7/2004 và Trịnh Hoàng P, sinh ngày 06/02/2007, nguyện vọng nuôi con theo ý kiến của các cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có tài sản chung là 03 gian nhà và công trình phụ trợ trên đất của bố mẹ tôi, bố tôi vẫn đứng tên trên giấy tờ và 01 thửa ruộng diện tích 819m² đất nông nghiệp; 02 máy cày chị Q đã bán, 01 xe máy wave BKS 20E1 – 237.64 chị Q đang quản lý, sử dụng; 01 xe máy Angle BKS 20H7 – 6743 tôi đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra còn có tivi, tủ lạnh..... Tôi đề nghị Tòa án để chúng tôi tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, do vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh K.

Về con chung giao con chung là cháu Trịnh Hoàng P, sinh ngày 06/02/2007 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Trịnh Thu H đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Giao cho anh K quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái ngói, xây dựng năm 2007, nền gạch đá hoa, diện tích 57,12m², 01 nhà bếp diện tích 27,14m² xây dựng năm 010 bằng gạch silicat và sân lát xi măng diện tích 7,725m², địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản là 55.221.548 đồng; 01 xe máy BKS 20H7 – 6743.

Giao cho chị Q quản lý, sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 1, loại đất ruộng, diện tích 819m², được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Q, anh K, địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, có giá trị là: 52.416.000 đồng; 01 xe máy BKS 20E1 – 237.64

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh K, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung giữa chị Chu Thị Q và anh Trịnh Văn K, cùng có địa chỉ ở xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Chu Thị Q và anh Trịnh Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 9/2003, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Hai anh chị đều xác định đã hết tình

cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của hai anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Chị Q và anh K có 02 con chung là Trịnh Thu H, sinh ngày 04/7/2004 và Trịnh Hoàng P, sinh ngày 06/02/2007. Cháu Hương đã trưởng thành nên không xem xét. Quá trình giải quyết cháu Phúc có trình bày nguyện vọng muốn với với bố. Tại phiên tòa chị Q và anh K đều nhất trí với lựa chọn của các con, do vậy, giao cháu Phúc cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, của chị Q, anh K và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Q và anh K có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên đất của bố mẹ anh K, 01 thửa ruộng có diện tích 819m², 02 chiếc xe máy BKS 20E1 – 237.64 và 20H7 – 6743 và một số vật dụng trong gia đình.

Chị Q và anh K nhất trí thỏa thuận chị Q được quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô BKS 20E1 – 237.64, anh K được quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô BKS 20H7 – 6743.

Các đương sự không tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản còn lại nên Hội đồng xét xử tính như sau:

Giao cho anh K quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái ngói, xây dựng năm 2007, nền gạch đá hoa, diện tích 57,12m², 01 nhà bếp diện tích 27,14m² xây dựng năm 2010 bằng gạch silicat và sân lát xi măng diện tích 7,725m² xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Nhất Hùng (bố đẻ của anh Trịnh Văn K), địa chỉ; Xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản là 55.221.584 đồng.

Giao cho chị Q quản lý, sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 1, loại đất ruộng, diện tích 819m², được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00542 ngày 01/6/2012 mang tên Chu Thị Q và Trịnh Văn K, địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, có giá trị là: 52.416.000 đồng.

Chị Q không yêu cầu anh K phải thanh toán phần chênh lệch tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai anh chị đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[7] Về án phí: Cần buộc chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị Q và anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Q được ly hôn với anh Trịnh Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Hoàng P, sinh ngày 06/02/2007 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh K không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét trong vụ án này.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh K quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái ngói, xây dựng năm 2007, nền gạch đá hoa, diện tích 57,12m², 01 nhà bếp diện tích 27,14m² xây dựng năm 2010 bằng gạch silicat và sân lát xi măng diện tích 7,725m² xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Nhất H1 (bố đẻ của anh Trịnh Văn K), địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản là 55.221.584 đồng.

Giao cho chị Q quản lý, sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 1, loại đất ruộng, diện tích 819m², được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00542 ngày 01/6/2012 mang tên Chu Thị Q và Trịnh Văn K, địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, có giá trị là: 52.416.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Q và anh K: chị Q được quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô BKS 20E1 – 237.64, anh K được quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô BKS 20H7 – 6743.

2. Án phí: Buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003262 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Buộc anh K phải chịu 2.761.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Đức Long

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Nam

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lưu Thắng

